TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03/4/2024
"Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Kiều Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Minh Sơn.

2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Hồng Duyên- Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 318/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023, về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Mỹ N, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm I, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.
Nơi ở hiện nay: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn K, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm I, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2023, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ N *trình bày:*

Vào năm 2016 chị và anh Phạm Văn K quen biết và yêu thương nhau và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên và quyết định kết hôn với nhau, chị và anh K

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố T giấy kết hôn số 76 ngày 13/12/2016.

Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung tên Phạm Thị Khánh N1, sinh ngày 09/10/2017 hiện đang chung sống với chị, thời gian đầu vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc, nhưng gần đây xãy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, chị và anh K có nhiều lần hòa giải nhưng không thể tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng chị đã ly thân với nhau hơn 02 năm.

Nay chị Phan Thị Mỹ N yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn K. Về con chung chị yêu cầu được nuôi cháu Phạm Thị Khánh N1, sinh ngày 09/10/2017 và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 10/11/2023, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Văn K *trình bày:*

Anh K thống nhất với lời trình bày của chị Phan Thị Mỹ N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì anh cũng thống nhất vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã và vợ chồng anh đã sống ly thân nhau. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên anh K thống nhất ly hôn với chị Phan Thị Mỹ N.Về con chung tên Phạm Thị Khánh N1, sinh ngày 09/10/2017 nếu phải ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Những tình tiết các bên thống nhất: Chị N và anh K thống nhất thuận tình ly hôn. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Những tình tiết các bên không thống nhất: Chị Phan Thị Mỹ N yêu cầu được nuôi con chung nhưng anh Phạm Văn K không đồng ý giao con cho chị N mà anh yêu cầu trực tiếp nuôi con chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, khoản 1 Điều 71, Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Mỹ N về việc cho chị N ly hôn với anh Phạm Văn K; giao cháu Phạm Thị Khánh N1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, về tài sản chung và nợ chung, đề nghị Hội đồng xét

xử không xem xét giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ N khởi kiện yêu cầu tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con. Bị đơn anh Phạm Văn K hiện đang sinh sống địa chỉ khóm I, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Mỹ N và anh Phạm Văn K xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có Giấy chứng nhận kết hôn của cơ quan có thẩm quyền cấp nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi xác lập hôn nhân, vợ chồng chung sống với nhau có 01 con chung là thể hiện một gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, hạnh phúc của anh chị không bền vững là do anh K không chăm lo cuộc sống gia đình và anh chị đã sống ly thân với nhau.

Nay chị N thấy tình cảm vợ chồng phai nhạt, không thể đoàn tụ với nhau nên xin được ly hôn với anh Phạm Văn K.

Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình nhưng chị N và anh K đã không thực hiện các nghĩa vụ này với nhau.

Thấy rằng đời sống chung giữa chị N và anh K không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó việc chị N xác định cuộc hôn nhân không hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ nên cho hai người ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật. Đồng thời chị N xin ly hôn thì tại phiên tòa hôm nay anh K cũng đồng ý. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Mỹ N là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

Về môi trường sống: Từ năm 2018 đến nay chị N cùng cháu Phạm Thị Khánh N1 về sống tại nhà mẹ ruột là bà Nguyễn Thị X, bà X cũng giúp chị N chăm sóc cháu N1 những lúc chị N bận việc. Cháu N1 đã có môi trường sống và học tập ổn định tại nhà chị N ở ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh từ năm 2018 đến nay. Lời khai của anh K và chị N về môi trường sống của con chung là phù hợp với nội dung biên bản tiếp xúc mẹ ruột chị N ngày 01/3/2024 (tại bút lục 36,

37) và biên bản xác minh của cha ruột anh K ngày 07/3/2024 (tại bút lục 37a-37b trong hồ sơ vụ án).

Về điều kiện kinh tế: Xét thấy cháu Phạm Thị Khánh N1, sinh ngày 09/10/2017, hiện do chị Phan Thị Mỹ N đang trực tiếp nuôi dưỡng và chị đi làm công ty nên có thu nhập hàng tháng ổn định từ 6.000.000 đến 7.000.000đồng/tháng sẽ đảm bảo kinh tế để nuôi con. Anh K cho rằng thu nhập hàng tháng của anh 17.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng/tháng nhưng anh K không có chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Ngoài ra anh K cũng không chứng minh được anh có tài sản, có thu nhập ổn định để đảm bảo cuộc sống cho cháu N1 điều này đã được xác nhận của cha anh K tại biên bản xác minh ngày 07/3/2024 (tại bút lục 37a-37b).

Về tâm, sinh lý của trẻ: Cháu N1 giới tính nữ nếu được sống cùng mẹ sẽ dễ dàng để mẹ thấu hiểu và chăm sóc tâm, sinh lý cho cháu. Hơn nữa sinh lý nữ giới sẽ thay đổi khi cháu lớn lên (nhất là giai đoạn dậy thì) nếu giao cho anh K trực tiếp chăm sóc sẽ không đảm bảo tốt nhất cho cháu N1. Hơn nữa từ trước đến nay anh K không trực tiếp chăm sóc cháu N1 mà cháu N1 sống chung với chị Nhân t khi chị và anh K ly thân với nhau cho đến nay.

Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, anh K không đồng ý giao con cho chị N nuôi mà anh yêu cầu trực tiếp nuôi cháu N1. Tuy nhiên để đảm bảo cho cháu N1 phát triển đầy đủ về mọi mặt, cũng như không làm thay đổi môi trường sống của cháu N1. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu N1 cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu của anh K về việc trực tiếp nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh K thống nhất khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh K không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ N được ly hôn với bị đơn anh Phạm Văn K.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con của chị Phan Thị Mỹ N. Giao cháu Phạm Thị Khánh N1, sinh ngày 09/10/2017 cho chị Phan Thị Mỹ N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Phan Thị Mỹ N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị Mỹ N và anh Phạm Văn K thống nhất khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (*Án phí hôn nhân và gia đình*), được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018241, ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh; chị N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND thành phố Trà Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Trà Vinh;
- UBND phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Lâm Thị Kiều Trang